

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019
(đã được soát xét)

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	06-34
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	11-34



CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần In và Bao Bì Mỹ Châu (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần In và Bao Bì Mỹ Châu là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Nhà máy thực phẩm xuất khẩu Mỹ Châu theo Quyết định số 207/1998/QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 12 năm 1998 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp số 0301671386, đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 3 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 01 tháng 04 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Ngọc Nghị	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Thành	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Duy Hùng	Ủy viên
Ông Trịnh Hữu Minh	Ủy viên
Ông Nguyễn Quý	Ủy viên
Ông Nguyễn Thanh Bình	Ủy viên
Ông Đỗ Ngọc Khanh	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Trương Nữ Thị Đỗ Quỳnh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 31/07/2019
Ông Trịnh Hữu Minh	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 31/07/2019
Ông Nguyễn Quý	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Vũ Đình Thái	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 25/05/2019
Ông Trần Thanh Tùng	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 25/05/2019
Bà Nguyễn Thị Cẩm Vang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25/05/2019
Ông Nguyễn Quốc Đạt	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25/05/2019
Ông Nguyễn Ánh Luyện	Thành viên	

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trương Nữ Thị Đỗ Quỳnh
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2019

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần In và Bao Bì Mỹ Châu**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần In và Bao Bì Mỹ Châu được lập ngày 14 tháng 08 năm 2019, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần In và Bao Bì Mỹ Châu tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam. Kiểm toán viên đã đưa ra Báo cáo kiểm toán có dạng ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty tại ngày 19/03/2019.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu cho kỳ kế toán từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 đã được soát xét bởi Kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam. Kiểm toán viên đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 của Công ty tại ngày 11/08/2018.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		167.321.044.521	182.955.207.372
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	37.221.218.634	15.408.400.674
111	1. Tiền		37.221.218.634	15.408.400.674
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		42.293.830.056	63.002.782.718
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	42.509.612.650	62.789.545.924
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	372.876.700	750.023.888
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	398.684.649	450.556.849
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(987.343.943)	(987.343.943)
140	IV. Hàng tồn kho	9	86.787.210.195	103.343.645.874
141	1. Hàng tồn kho		86.787.210.195	103.343.645.874
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.018.785.636	1.200.378.106
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	629.098.351	892.351.530
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		388.241.154	306.580.445
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	1.446.131	1.446.131
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		76.080.713.935	82.236.367.228
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		10.000.000	10.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	10.000.000	10.000.000
220	II. Tài sản cố định		71.742.434.440	78.521.542.728
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	71.742.434.440	78.521.542.728
222	- Nguyên giá		347.298.156.481	345.916.209.476
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(275.555.722.041)	(267.394.666.748)
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	1.693.316.400	1.486.651.800
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.972.000.000	1.972.000.000
254	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(278.683.600)	(485.348.200)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		2.634.963.095	2.218.172.700
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	2.634.963.095	2.218.172.700
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		243.401.758.456	265.191.574.600

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		50.517.944.365	56.699.960.604
310	I. Nợ ngắn hạn		50.517.944.365	56.699.960.604
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	14.454.344.537	12.453.577.000
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	169.539.310	4.072.200
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	1.373.751.445	4.454.615.793
314	4. Phải trả người lao động		2.020.640.206	4.831.611.958
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	2.898.305.343	1.108.597.440
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	20.857.503.113	8.366.090.134
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	6.646.716.347	24.120.446.701
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		2.097.144.064	1.360.949.378
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		192.883.814.091	208.491.613.996
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	192.883.814.091	208.491.613.996
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		150.713.370.000	150.713.370.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		150.713.370.000	150.713.370.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		15.557.011.449	15.557.011.449
415	3. Cổ phiếu quỹ		(317.124.000)	(317.124.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		28.301.633.961	28.118.361.788
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(1.371.077.319)	14.419.994.759
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		400	400
421b	LNST chưa phân phối kỳ nay		(1.371.077.719)	14.419.994.359
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		243.401.758.456	265.191.574.600

Võ Ngọc Huỳnh Thu
Người lập

Nguyễn Hòa Hiệp
Kế toán trưởng



Trương Nữ Thị Đỗ Quỳnh
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	111.405.497.659	164.306.777.884
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	35.144.160	83.936.463
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		111.370.353.499	164.222.841.421
11	4. Giá vốn hàng bán	22	98.365.407.444	134.750.774.979
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		13.004.946.055	29.472.066.442
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	35.178.367	69.469.164
22	7. Chi phí tài chính	24	263.319.591	1.505.414.740
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		450.990.798	1.270.395.667
25	8. Chi phí bán hàng	25	5.042.539.990	7.100.882.667
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	9.032.696.287	10.019.684.649
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(1.298.431.446)	10.915.553.550
31	11. Thu nhập khác		74.645.227	32.168.135
32	12. Chi phí khác	27	147.291.500	21.491.502
40	13. Lợi nhuận khác		(72.646.273)	10.676.633
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(1.371.077.719)	10.926.230.183
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	-	2.185.246.037
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(1.371.077.719)	8.740.984.146
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	(91)	523

Võ Ngọc Huỳnh Thụ
Người lập

Nguyễn Hòa Hiệp
Kế toán trưởng



Trương Nữ Thị Đỗ Quỳnh
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu	06 tháng đầu
			năm 2019	năm 2018
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(1.371.077.719)	10.926.230.183
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		8.161.055.293	11.966.796.670
03	- Các khoản dự phòng		(206.664.600)	187.863.756
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(4.002.287)	18.307.283
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(22.550.362)	(59.997.334)
06	- Chi phí lãi vay		450.990.798	1.270.395.667
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		7.007.751.123	24.309.596.225
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		20.627.291.953	18.588.062.703
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		16.556.435.679	130.155.334
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải		1.576.389.893	(11.167.863.695)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(153.537.216)	867.567.068
14	- Tiền lãi vay đã trả		(450.990.798)	(1.318.047.305)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.060.886.328)	(2.160.326.873)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.458.435.500)	(2.123.536.673)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		40.644.018.806	27.125.606.784
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.381.947.005)	(83.600.000)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		22.550.362	59.997.334
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.359.396.643)	(23.602.666)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		25.214.008.126	69.004.153.248
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(42.687.738.480)	(84.032.602.599)
35	3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	(9.323.146.560)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(1.043.600)	(1.360.800)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(17.474.773.954)	(24.352.956.711)

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú,
Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**


Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		21.809.848.209	2.749.047.407
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		15.408.400.674	15.948.308.376
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		2.969.751	8.208.490
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>37.221.218.634</u>	<u>18.705.564.273</u>


Võ Ngọc Huỳnh Thư
Người lập

Nguyễn Hòa Hiệp
Kế toán trưởng

Trương Nữ Thị Đỗ Quỳnh
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần In và Bao Bì Mỹ Châu là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Nhà máy thực phẩm xuất khẩu Mỹ Châu theo Quyết định số 207/1998/QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 12 năm 1998 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp số 0301671386, đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 3 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 01 tháng 04 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 150.713.370.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2019 là 150.713.370.000 đồng; tương đương 15.178.180 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

In và sản xuất bao bì bằng kim loại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, gia công các loại bao bì bằng kim loại;
- Dịch vụ cho thuê sân bãi, nhà xưởng, kho tàng thuộc quyền sử dụng của Công ty;
- In, tráng verni trên sắt lá;
- Bán buôn các loại vật tư, hóa chất sử dụng công nghệ in trên sắt lá;
- Bán buôn các loại sắt lá, nhôm lá (dạng cuộn, dạng tờ); và
- Xuất khẩu, nhập khẩu, quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế dùng trong các lĩnh vực: in, tráng verni trên sắt lá

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Tình hình chung của ngành chế biến thực phẩm Việt Nam gặp khó khăn do sự cạnh tranh của các nhà sản xuất Thái Lan thâm nhập thị trường Việt Nam, kéo theo sự suy giảm của các ngành công nghiệp phụ trợ cho ngành thực phẩm. Bên cạnh đó gặp cạnh tranh ngày càng mạnh từ các nhà cung cấp sản phẩm vỏ lon, hộp, bao bì kim loại khiến Công ty bị mất thị phần ngành đóng hộp. Các nguyên nhân trên khiến doanh thu của Công ty bị suy giảm đột ngột tới 32% và khiến kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm của Công ty bị lỗ. Sự suy giảm đột ngột này chỉ là tạm thời, Ban Tổng giám đốc Công ty đang tìm các phương án để mời gọi thuyết phục khách hàng, mở rộng thị trường và phục hồi sản xuất.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác và khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.5 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 28 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 22 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm

2.10 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí hoa hồng phải trả và chi phí tiền thuê đất... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán .

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty theo Nghị quyết Đại hội cổ đông và sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.17 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.18 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ là hàng bán bị trả lại.

Khoản hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.19 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.20 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.

2.22 . Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.23 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.24 . Thông tin bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất gia công các loại bao bì bằng kim loại và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	116.345.028	143.517.543
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	37.104.873.606	15.264.883.131
	<u>37.221.218.634</u>	<u>15.408.400.674</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÁU

18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào đơn vị khác	1.972.000.000	1.693.316.400	(278.683.600)	1.486.651.800
- Công ty Cổ phần Cảng Rau Quà (VGPP)	1.972.000.000	1.693.316.400	(278.683.600)	1.486.651.800
	1.972.000.000	1.693.316.400	(278.683.600)	1.486.651.800
				(485.348.200)
				(485.348.200)

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư là cổ phiếu niêm yết trên thị trường được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu trên sàn giao dịch HNX tại ngày 30/06/2019.

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Cảng Rau Quà (VGPP)	Tp. Hồ Chí Minh	0.81%	0,81%	Khai thác, kinh doanh cảng, kho bãi

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú,
Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần Quốc tế Bảo Hưng	4.349.586.720	-	8.476.783.920	-
- Công ty TNHH Bao bì Sanmiguel Yamamura Phú Thọ	5.148.817.758	(330.870.543)	7.024.057.832	(330.870.543)
- Công ty cổ phần Thực phẩm Richy Miền	-	-	6.688.396.814	-
- Công ty cổ phần Mondelez Kinh Đô Việt Nam	-	-	6.663.691.100	-
- Công Ty Cổ Phần Dinh Dưỡng Nutricare	3.517.093.423	-	2.243.020.380	-
- Công Ty TNHH Một Thành Viên Sơn Hải Âu	3.452.012.651	-	2.408.525.883	-
- Công Ty TNHH SX TM Vận Tài Kim Ngọc	2.970.711.700	-	3.838.643.600	-
- Công Ty TNHH MTV Đồ Hộp Hạ Long Đà Nẵng	2.585.463.804	-	4.537.273.653	-
- Phải thu đối tượng khác	20.485.926.594	(656.473.400)	20.909.152.742	(656.473.400)
	42.509.612.650	(987.343.943)	62.789.545.924	(987.343.943)

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú,
Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH Song Song	-	-	652.539.888	-
- VT Overseas Trading	31.613.200	-	31.484.000	-
- Heisun Industry Limited	95.263.500	-	-	-
- Các nhà cung cấp khác	246.000.000	-	66.000.000	-
	372.876.700	-	750.023.888	-

7 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về bảo hiểm xã hội	144.294.904	-	148.614.504	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	27.412.257	-	28.424.907	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	17.977.488	-	18.517.438	-
Tạm ứng	209.000.000	-	255.000.000	-
	398.684.649	-	450.556.849	-
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	10.000.000	-	10.000.000	-
	10.000.000	-	10.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú,
Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

8 . NỢ XẤU

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty TNHH Bao bì San Miguel Yamamura Phú Thọ	330.870.543	-	330.870.543	-
- Công ty TNHH Tín Thịnh	352.042.030	-	352.042.030	-
- Công ty Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Kiên Giang	223.874.352	-	223.874.352	-
- Các khoản khác	82.355.452	1.798.434	82.355.452	1.798.434
	989.142.377	1.798.434	989.142.377	1.798.434

9 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	6.753.780.590	-	7.800.406.956	-
Nguyên liệu, vật liệu	57.367.971.670	-	74.179.857.866	-
Công cụ, dụng cụ	168.050.277	-	94.049.121	-
Thành phẩm	14.842.270.895	-	13.257.647.225	-
Hàng hoá	7.655.136.763	-	8.011.684.706	-
	86.787.210.195	-	103.343.645.874	-

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	10.261.980.186	328.245.382.875	6.373.714.427	767.700.245	267.431.743	345.916.209.476
- Mua trong kỳ	-	1.381.947.005	-	-	-	1.381.947.005
Số dư cuối kỳ	10.261.980.186	329.627.329.880	6.373.714.427	767.700.245	267.431.743	347.298.156.481
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	9.389.596.650	253.553.294.554	3.715.632.005	468.711.796	267.431.743	267.394.666.748
- Khấu hao trong kỳ	94.578.444	7.755.405.205	272.461.860	38.609.784	-	8.161.055.293
Số dư cuối kỳ	9.484.175.094	261.308.699.759	3.988.093.865	507.321.580	267.431.743	275.555.722.041
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	872.383.536	74.692.088.321	2.658.082.422	298.988.449	-	78.521.542.728
Tại ngày cuối kỳ	777.805.092	68.318.630.121	2.385.620.562	260.378.665	-	71.742.434.440

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 8.818.633.331 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 185.726.397.488 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú,
Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí sửa chữa nhà xưởng	141.077.981	189.204.449
Chi phí bảo hiểm cháy nổ	299.834.989	599.669.983
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	188.185.381	103.477.098
	629.098.351	892.351.530
b) Dài hạn		
Chi phí mua bảo hiểm	29.625.929	59.251.877
Chi phí công cụ dụng cụ	1.627.401.923	847.675.679
Chi phí mở rộng, sửa chữa nhà xưởng	977.935.243	1.311.245.144
	2.634.963.095	2.218.172.700

12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Henkel Singapore Pte.	1.705.430.042	1.705.430.042	3.370.701.712	3.370.701.712
- Sumitomo Corporation Global Metals Co., Ltd.	2.261.963.314	2.261.963.314	-	-
- Viking Industrial Corporation	2.394.984.231	2.394.984.231	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	8.091.966.950	8.091.966.950	9.082.875.288	9.082.875.288
	14.454.344.537	14.454.344.537	12.453.577.000	12.453.577.000

13 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công Ty Cổ Phần Bá Hải	77.940.880	-
Công Ty Cổ Phần Dinh Dưỡng Y Tế Nufobi	76.560.000	-
Người mua trả tiền trước khác	15.038.430	4.072.200
	169.539.310	4.072.200

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÁU

18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	1.373.867.229	-	7.483.343.232	7.500.879.213	-	1.356.331.248	-	-	-	-	-
Thuế Tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	552.075.523	552.075.523	-	-	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	3.060.886.328	-	-	3.060.886.328	-	-	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	1.446.131	19.862.236	258.075.039	-	260.517.078	1.446.131	17.420.197	-	-	-	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	31.197.441	-	31.197.441	-	-	-	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	3.000.000	-	3.000.000	-	-	-	-	-	-	-
	1.446.131	4.454.615.793	8.327.691.235	11.408.555.583	11.408.555.583	1.446.131	1.373.751.445					

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGÂN HẠN

	30/06/2019		01/01/2019	
	VND	VND	VND	VND
- Chi phí hoa hồng bán hàng	739.487.683	1.040.415.622	-	-
- Trích trước tiền thuê đất	2.158.817.660	-	68.181.818	-
- Chi phí phải trả khác	-	-	-	-
	2.898.305.343	1.108.597.440		

16 . PHẢI TRẢ NGÂN HẠN KHÁC

	30/06/2019		01/01/2019	
	VND	VND	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	252.627.768	260.522.624	-	-
- Nhân ký quỹ, ký cược ngắn hạn	8.304.216.546	7.846.755.754	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	12.270.488.847	229.440.447	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	30.169.952	29.371.309	-	-
	20.857.503.113	8.366.090.134		

24. BẢNG HẠN DAN

24. BẢNG HẠN DAN

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÁU

18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

17 . VAY NGẮN HẠN

	01/01/2019		Trong kỳ		30/06/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	24.120.446.701	24.120.446.701	25.214.008.126	42.687.738.480	6.646.716.347	6.646.716.347
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	24.120.446.701	24.120.446.701	25.214.008.126	42.687.738.480	6.646.716.347	6.646.716.347
	24.120.446.701	24.120.446.701	25.214.008.126	42.687.738.480	6.646.716.347	6.646.716.347

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay ngắn hạn:

Hợp đồng tín dụng số 01/2019/94178/HDTD ngày 07/06/2019, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức : 150.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động; bảo lãnh, mở LC; ;
- + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
- + Lãi suất cho vay: theo từng khế ước nhận nợ;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 6.646.716.347 đồng;
- + Khoản vay của Công ty được đảm bảo bằng tài sản kèm theo các hợp đồng tài sản đảm bảo và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.



CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÁU

18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Cổ phiếu quỹ		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	150.713.370.000	15.557.011.449	(317.124.000)	27.722.665.432	13.632.527.256	207.308.450.137						
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	-	8.740.984.146					8.740.984.146	
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	-	(2.700.000.000)					(2.700.000.000)	
Chia cổ tức đợt 2 năm 2017	-	-	-	-	-	(10.536.830.500)					(10.536.830.500)	
Số dư cuối kỳ trước	150.713.370.000	15.557.011.449	(317.124.000)	27.722.665.432	9.136.680.902	202.812.603.783						
Số dư đầu năm nay	150.713.370.000	15.557.011.449	(317.124.000)	28.118.361.788	14.419.994.759	208.491.613.996						
Lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	-	(1.371.077.719)					(1.371.077.719)	
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	183.272.173	-	(14.236.722.186)					(14.236.722.186)	
Số dư cuối kỳ này	150.713.370.000	15.557.011.449	(317.124.000)	28.301.633.961	(1.371.077.319)	192.883.814.091						

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/NQ/DHĐCĐ/2019 ngày 25 tháng 05 năm 2019, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	21.946.301.859
Trích Quỹ đầu tư phát triển	0,84%	183.272.173
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	10,00%	2.194.630.186
Chi trả cổ tức (bằng 8% vốn điều lệ)	54,87%	12.042.092.000
Chi trả cổ tức (bằng 5% vốn điều lệ) đã tạm ứng	34,29%	7.526.307.500

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú,
Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Ông Trịnh Hữu Minh	12,58%	18.962.310.000	12,58%	18.962.310.000
Ông Nguyễn Quý	10,95%	16.509.480.000	10,95%	16.509.480.000
Ông Phạm Bích Ngà	9,40%	14.170.000.000	9,40%	14.170.000.000
Các cổ đông khác	66,94%	100.884.360.000	66,94%	100.884.360.000
Cổ phiếu quỹ	0,13%	187.220.000	0,13%	187.220.000
	100%	150.713.370.000	100%	150.713.370.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	06 tháng đầu năm 2019 VND	06 tháng đầu năm 2018 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	150.713.370.000	150.713.370.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	150.713.370.000	150.713.370.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	150.713.370.000	150.713.370.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ</i>	229.440.447	223.883.447
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ</i>	12.042.092.000	10.536.830.500
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	12.042.092.000	10.536.830.500
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	(1.043.600)	(1.360.800)
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	(1.043.600)	(1.360.800)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ</i>	12.270.488.847	10.759.353.147

d) Cổ phiếu

	30/06/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.178.180	15.178.180
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	15.071.337	15.071.337
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	15.071.337	15.071.337
Số lượng cổ phiếu được mua lại (<i>cổ phiếu quỹ</i>)	18.722	18.722
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	18.722	18.722
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.052.615	15.052.615
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	15.052.615	15.052.615
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Quỹ đầu tư phát triển	28.301.633.961	28.118.361.788
	28.301.633.961	28.118.361.788

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú,
Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty thuê đất tại số 18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú để sử dụng với mục đích sản xuất kinh doanh. Diện tích khu đất thuê là 33.410 m². Theo đó Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm theo thông báo tiền thuê đất của cơ quan thuế.

b) Ngoại tệ các loại

	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	32.725,75	8.733,07
- Đồng Euro (SGD)	0,34	0,34
- Đồng đô la Úc (AUD)	412,31	412,31

20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>06 tháng đầu năm 2019</u>	<u>06 tháng đầu năm 2018</u>
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm và hàng hóa	94.056.460.339	132.833.122.166
Doanh thu cung cấp dịch vụ	17.349.037.320	31.473.655.718
	<u>111.405.497.659</u>	<u>164.306.777.884</u>

21 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	<u>06 tháng đầu năm 2019</u>	<u>06 tháng đầu năm 2018</u>
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	35.144.160	83.936.463
	<u>35.144.160</u>	<u>83.936.463</u>

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>06 tháng đầu năm 2019</u>	<u>06 tháng đầu năm 2018</u>
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa và thành phẩm đã bán	79.906.503.253	105.031.610.137
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	18.458.904.191	29.719.164.842
	<u>98.365.407.444</u>	<u>134.750.774.979</u>

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>06 tháng đầu năm 2019</u>	<u>06 tháng đầu năm 2018</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	22.550.362	59.997.334
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	8.625.718	9.471.830
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	4.002.287	-
	<u>35.178.367</u>	<u>69.469.164</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú,
Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền vay	450.990.798	1.270.395.667
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	18.993.393	48.354.273
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(206.664.600)	186.664.800
	263.319.591	1.505.414.740

25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.732.595.251	4.259.353.511
Chi phí khấu hao tài sản cố định	148.074.918	148.067.004
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.941.144.299	1.435.173.145
Chi phí khác bằng tiền	220.725.522	1.258.289.007
	5.042.539.990	7.100.882.667

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	92.880.041	93.548.702
Chi phí nhân công	3.932.600.330	4.115.390.115
Chi phí khấu hao tài sản cố định	193.699.648	195.707.562
Thuế, phí, lệ phí	2.208.613.823	2.208.613.821
Chi phí dự phòng	-	1.198.956
Chi phí dịch vụ mua ngoài	512.835.733	916.855.336
Chi phí khác bằng tiền	2.092.066.712	2.488.370.157
	9.032.696.287	10.019.684.649

27 . CHI PHÍ KHÁC

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Khoản truy thu phạt thuế	147.291.500	21.491.502
	147.291.500	21.491.502

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú,
Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

28 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(1.371.077.719)	10.926.230.183
Các khoản điều chỉnh tăng	147.291.500	-
- <i>Chi phí không hợp lệ</i>	147.291.500	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	(1.223.786.219)	10.926.230.183
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	-	2.185.246.037
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	3.060.886.328	2.160.326.873
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(3.060.886.328)	(2.160.326.873)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	-	2.185.246.037

29 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	(1.371.077.719)	8.740.984.146
Các khoản điều chỉnh:	-	(874.098.415)
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	-	(874.098.415)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(1.371.077.719)	7.866.885.731
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	15.052.615	15.052.615
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(91)	523

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

30 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	60.176.213.534	82.834.286.412
Chi phí nhân công	17.238.968.734	19.914.128.114
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.161.055.293	11.966.796.670
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.105.432.402	4.252.807.521
Chi phí khác bằng tiền	17.325.586.998	20.757.785.400
	105.007.256.961	139.725.804.117

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú,
Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

31 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	37.221.218.634	-	15.408.400.674	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	42.918.297.299	(987.343.943)	63.250.102.773	(987.343.943)
Đầu tư dài hạn	1.972.000.000	(278.683.600)	1.972.000.000	(485.348.200)
	<u>82.111.515.933</u>	<u>(1.266.027.543)</u>	<u>80.630.503.447</u>	<u>(1.472.692.143)</u>
			Giá trị sổ kế toán	
			30/06/2019	01/01/2019
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			6.646.716.347	24.120.446.701
Phải trả người bán, phải trả khác			35.311.847.650	20.819.667.134
Chi phí phải trả			2.898.305.343	1.108.597.440
			<u>44.856.869.340</u>	<u>46.048.711.275</u>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú,
Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2019				
Đầu tư dài hạn	-	-	1.693.316.400	1.693.316.400
	-	-	1.693.316.400	1.693.316.400
Tại ngày 01/01/2019				
Đầu tư dài hạn	-	-	1.486.651.800	1.486.651.800
	-	-	1.486.651.800	1.486.651.800

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	37.221.218.634	-	-	37.221.218.634
Phải thu khách hàng, phải thu khác	41.920.953.356	10.000.000	-	41.930.953.356
	79.142.171.990	10.000.000	-	79.152.171.990
Tại ngày 01/01/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.408.400.674	-	-	15.408.400.674
Phải thu khách hàng, phải thu khác	62.252.758.830	10.000.000	-	62.262.758.830
	77.661.159.504	10.000.000	-	77.671.159.504

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú,
Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2019				
Vay và nợ	6.646.716.347	-	-	6.646.716.347
Phải trả người bán, phải trả khác	35.311.847.650	-	-	35.311.847.650
Chi phí phải trả	2.898.305.343	-	-	2.898.305.343
	44.856.869.340	-	-	44.856.869.340
Tại ngày 01/01/2019				
Vay và nợ	24.120.446.701	-	-	24.120.446.701
Phải trả người bán, phải trả khác	20.819.667.134	-	-	20.819.667.134
Chi phí phải trả	1.108.597.440	-	-	1.108.597.440
	46.048.711.275	-	-	46.048.711.275

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

32 . THÔNG TIN KHÁC

Công ty cho Công ty TNHH Dược phẩm 3A thuê kho hàng, nhà xưởng tại số 18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên đến hết thời hạn thuê, bên đi thuê vẫn chưa hoàn trả lại kho hàng, nhà xưởng và thanh toán tiền thuê từ 01/01/2014 đến nay. Ngày 10/03/2014, Công ty đã khởi kiện bên đi thuê tại Tòa án Nhân dân Quận Tân Phú.

Sau thời gian hòa giải không đi đến được thống nhất chung, ngày 15/02/2017 Tòa án Nhân dân quận Tân Phú chuyển hồ sơ vụ án sang Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý.

Theo nội dung bản án số 1591/2017/KDTM-ST ngày 30/11/2017, kết luận của bản án sơ thẩm bắt buộc Công ty TNHH Dược phẩm 3A phải trả tiền thuê nhà xưởng cho Công ty số tiền 21.043.128.623 đồng (tính đến tháng 11/2017) và tiếp tục phải trả tiền thuê cho đến khi giao trả toàn bộ mặt bằng nhà xưởng cho Công ty. Công ty TNHH Dược phẩm 3A tiếp tục kháng cáo đối với kết quả của bản án sơ thẩm này.

Ngày 08/04/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm và tuyên án một số nội dung chính sau: Buộc Công ty TNHH Dược phẩm 3A có trách nhiệm giao trả toàn bộ mặt bằng nhà xưởng; Công ty TNHH Dược phẩm 3A phải trả tiền thuê nhà xưởng là 17.223.634.000 đồng (tạm tính đến 30/11/2017). Tuy nhiên tới thời điểm 29/07/2019 Tòa án nhân dân tối cao đã có văn bản hoãn thi hành án do nhận được đơn của Công ty TNHH Dược phẩm 3A đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú,
Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

33 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.


34 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN


Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:


	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	406.987.183	326.743.270
Thu nhập của thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	634.703.076	688.012.499

35 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.


Võ Ngọc Huỳnh Thư
Người lập


Nguyễn Hòa Hiệp
Kế toán trưởng


Trương Nữ Thị Đỗ Quỳnh
Tổng Giám đốc



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2019